

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Hóa

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh Đ – sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Mộng Tr – sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Thanh Đ trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, ông và bà Trần Thị Mộng Tr quyết định tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 21/12/2006.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng ông đã cố gắng hàn gắn và hai bên gia đình đã can thiệp nhưng không có kết quả tốt đẹp. Ông và bà Tr đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Nay, ông xác định không còn tình cảm với bà Tr nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Tr.

Về con chung: Ông và bà Tr có 01 con chung là cháu Lê Thị Nhật Q, sinh ngày 22/11/2006. Hiện nay, cháu Q đang sinh sống cùng với ông. Sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Đ xác định không có.

- Bị đơn bà Trần Thị Mộng Tr đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng bà Trâm đều vắng mặt, không đến Tòa để làm việc và cũng không cung cấp ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết vụ án: Tòa án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Lê Thanh Đ, chấp nhận cho ông Đ được ly hôn bà Tr, giao con chung là cháu Lê Thị Nhật Q, sinh ngày 22/11/2006 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí, ông Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn”, bị đơn bà Trần Thị Mộng Tr có hộ khẩu thường trú tại 3, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trong vụ án.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh Đ và bà Trần Thị Mộng Tr kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 21/12/2006 theo Bản sao Trích lục kết hôn số 275/2020/TLKH-BS ngày 28/8/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà Tr là hợp pháp.

[4] Nguyên đơn ông Lê Thanh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị Mộng Tr vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông không còn tình cảm với bà Trâm, từ năm 2017 đến nay, vợ chồng ông sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bị đơn bà Tr vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập, thông báo, quyết định xét xử của Tòa án, điều đó cho thấy bà Tr đã không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với ông Đ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa ông Đ và bà Tr thực sự không còn, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho ông Đ được ly hôn bà Tr là phù hợp.

[5] Về con chung: Căn cứ lời khai của ông Đ, lời khai của cháu Lê Thị Nhật Q và Bản sao Trích lục Giấy khai sinh số 274/BS-TLKS do UBND xã Đ cấp ngày 28/8/2018, có cơ sở xác định cháu Lê Thị Nhật Q, sinh ngày 22/11/2006 là con chung của ông Đ và bà Tr. Hiện nay, cháu Q đang sinh sống cùng với ông Đ và có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng với ông Đ. Ông Đ cũng có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu Lê Thị Nhật Q cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Trần Thị Mộng Tr.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, nghĩa vụ chung, bà Tr chưa có lời khai về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh Đ.
- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh Đ được ly hôn bà Trần Thị Mộng Tr.
- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Lê Thị Nhật Q, sinh ngày 22/11/2006 cho ông Lê Thanh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Trần Thị Mộng Tr.

Sau khi ly hôn, bà Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết, ông Đ, bà Tr có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Lê Thanh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, nghĩa vụ chung; bị đơn bà Trần Thị Mộng Tr vắng mặt nên không có lời khai về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Thanh Đ phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007812 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Đ, huyện D (nơi đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 21/12/2006);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Mai